TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2021.
V/v: " *Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG – TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thuý Hằng

***Các Hội thẩm nhân dân*:** Bà Trần Thị Khanh, ông Đào Văn Hoàn.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Phạm Hoàng Thanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện VKSND huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà***: Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 87/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/6/2021 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2021, giữa các đương sự:

1 - Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1985.(Có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, TT LC, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

2 - Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1981.(Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn NQ, xã NL, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

3 - Người làm chứng:

3.1. Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1956. (Vắng mặt)

3.2. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1960. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Ng, TT LC, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn trình bày: Chị Nguyễn Thị V và anh Lê Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã NL, huyện Cẩm Giàng, tỉnh

Hải Dương ngày 12/02/2020. Sau khi kết hôn, chị V về sống cùng anh T tại nhà riêng của anh T ở xã NL. Trước đây, chị và anh T đều đã kết hôn và có con riêng. Chồng chị đã mất, còn anh T đã ly hôn. Khi sống cùng nhau, anh chị nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quản lý kinh tế chung và chăm sóc con riêng. Anh T thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị và gia đình chị. Chị đã bỏ về nhà 4 lần. Sau đó, anh T đến nói chuyện thì chị đã bỏ qua và quay lại sống cùng anh T. Tuy nhiên, anh T vẫn không thay đổi nên sau nhiều lần suy nghĩ, chị thấy không thể tiếp tục chung sống cùng anh T được. Chị đã nói chuyện với anh T về việc chia tay. Anh T không đồng ý và giữ hết giấy tờ tùy thân của chị, gây khó khăn cho chị. Chị đã về gia đình ở TT Lai Cách sống từ tháng 3 năm 2021 đến nay. Anh chị sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến nhau. Từ ngày chị bỏ nhà anh T đi, anh T có đến nhà chị một lần bảo chị về nhưng chị không đồng ý. Anh T quay ra chửi bới chị và gia đình chứ không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm. Chị thấy không còn tình cảm và không thể quay về chung sống cùng anh T được, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Anh chị không có gì, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn - anh Lê Văn T đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến Tòa án để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp chứng cứ, không nêu ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Qua điện thoại, anh T có trình bày sẽ đến Tòa án trực tiếp nêu quan điểm của anh về việc chị V xin ly hôn nhưng sau nhiều lần Tòa án triệu tập, anh T vẫn không có mặt.

Người làm chứng – bà Phạm Thị Th trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị V. Chị V và anh T kết hôn được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị thường bất đồng quan điểm. Anh T thường chửi bới chị V và nói chị là kẻ ăn bám. Từ đó, chị V chán nản bỏ về nhà của chị V từ tháng 3 năm 2021 đến nay. Bà thấy anh chị không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Thậm chí anh T còn đến tận nhà bà chửi chị V và gia đình bà. Chứng kiến nhiều lần anh T chửi chị V, bà và gia đình bà thấy không thể chấp nhận được anh T. Bà đề nghị Tòa án cho chị V ly hôn anh T. Hiện tại chị V đang ở nhà riêng của chị V làm trên đất của gia đình bà tại thôn Nghĩa, thị trấn Lai Cách. Chị V và anh T không có con chung, không có tài sản chung, nợ chung.

Bà Nguyễn Thị G trình bày: Bà là hàng xóm ở gần nhà chị V và bà T. Sau khi anh T và chị V kết hôn, bà thấy mấy lần chị V bỏ về nhà ở. Chị V nói là do vợ chồng

có mâu thuẫn. Anh T đến nói chuyện và đón chị V về thì chị V lại quay về sống cùng anh T. Đầu năm 2021, bà chứng kiến việc anh T to tiếng, chửi bới chị V và gia đình. Bà hỏi thì được biết anh T đến gây sự với chị V. Hiện tại chị V đang ở nhà riêng của chị V làm trên đất của bà Thêu.

Kết quả xác minh tại địa phương: Anh T và chị V kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã NL ngày 12/02/2020. Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, địa phương không nắm được. Khoảng tháng 3 năm 2021, chị V bỏ đi nơi khác, không chung sống cùng anh T nữa. Chị V có đến UBND xã trình bày về việc chị và anh T có nhiều mâu thuẫn, không thể chung sống cùng nhau được. Hiện tại, anh T đi làm ăn quanh khu vực xã NL và nơi khác nhưng vẫn thường xuyên về nhà ở thôn NQ, xã NL. Anh T có nhà riêng và sống cùng các con riêng của anh T. Anh T và chị V không có con chung.

Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án do anh T vắng mặt và chị V đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, chị V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị xác định tình cảm giữa chị và anh T không thể hàn gắn được. Chị đề nghị được ly hôn anh T. Anh chị không có con chung, tài sản chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chị Nguyễn Thị V ly hôn anh Lê Văn T. Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn đã được tranh tụng tại phiên tòa, bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về tố tụng:*** Anh Lê Văn T đã được tống đạt các văn bản tố tụng; Giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Người làm chứng đề nghị được vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. ***Về quan hệ hôn nhân***: Chị Nguyễn Thị V và anh Lê Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NL, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương ngày 20/02/2020. Như vậy, hôn nhân giữa chị V và anh T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại nhà riêng của anh T tại xã NL. Anh chị chung sống bình thường được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm về kinh tế gia đình, về việc chăm sóc con riêng của mỗi bên. Chị V nhiều lần bỏ về nhà chị sống cùng các con riêng của chị. Sau đó, anh T đến đón thì chị lại quay về chung sống cùng anh T. Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa anh chị vẫn nảy sinh. Từ tháng 3 năm 2021, chị V đã về ở hẳn nhà của chị tại thị trấn Lai Cách, anh chị sống ly thân nhau từ đó đến nay. Chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được.

Lời khai của chị V về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với lời khai của người làm chứng, cung cấp của địa phương và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy: Thực trạng hôn nhân của chị V và anh T thể hiện mâu thuẫn giữa anh chị là có thật và đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị V, cho chị V ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. ***Về con chung:*** Anh chị không có con chung, chị V không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. ***Về tài sản chung, nợ chung, cho vay nợ chung, công sức chung:*** Chị V không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. ***Về án phí:*** Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, cho vay nợ chung, công sức chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ khoản tiền tạm ứng án phí mà chị V đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000383 ngày 22/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Chị V đã thi hành xong tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cẩm Giang;
- Chi cục thi hành án huyện Cẩm Giàng;
- UBND xã NL;
- Các đương sự;
- Lưu VP TA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thúy Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Khanh **Đào Văn Hoàn** **Phạm Thúy Hằng**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI D- ƠNG
TỈNH HẢI D- ƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP Hải D□ơng, ngày 30 tháng 12 năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI D- ƠNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Phạm Thúy Hằng.**

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Hoan và ông **Lê Văn C-**

Vào hồi …. giờ ….. phút ngày 30 tháng 12 năm 2016, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình, giữa nguyên đơn chị Lê Thị Th- ơng và bị đơn anh Cao Duy H- ng**.**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã đ- ợc thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đ- ơng sự, đại diện viện kiểm sát.

Hội đồng xét xử thảo luận và thống nhất 100%, biểu quyết 3/3 những vấn đề sau:

Áp dụng: Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 8 Điều 27 - Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thương và anh Cao Duy Hưng.

2. Về quan hệ con chung: Khi ly hôn, giao cháu Cao Thị Tố Như, sinh ngày 15/9/2011 cho anh Cao Duy Hưng; giao cháu Cao Nguyên Phúc, sinh ngày 04/01/2014 cho chị Lê Thị Thương trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 01 năm 2017 đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Chị Thương, anh Hưng không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và đều được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung để gây cản trở việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của nhau.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Thương phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ khoản tiền tạm ứng án phí mà chị Thương đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2014/006380 ngày 06/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương, chị Thương đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

4. Quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Biên bản lập xong vào hồi …. giờ …. phút cùng ngày. Các thành viên hội đồng xét xử cùng đọc lại nhất trí ký tên.

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà.**

Phạm Thúy Hằng